



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

THERAGĀTHĀPĀḲI

&

TẠNG KINH - TIỂU BỘ

TRƯỞNG LÃO KỆ

20. 1. 7.

842. Yātaṃ me hatthigīvāya sukhumā vatthā padhāritā,
sālīnaṃ odano bhutto sucimaṃsūpasecano.
843. So 'jja bhaddo sātātiko uñchāpattāgate¹ rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
844. Paṃsukūlī sātātiko uñchāpattāgate¹ rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
845. Piṇḍapātī sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
846. Tecīvarī sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
847. Sapadānacārī sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
848. Ekāsanī sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
849. Pattapiṇḍī sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
850. Khalupacchābhattī sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
851. Āraññiko sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
852. Rukkhamūliko sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
853. Abbhokāsī sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
854. Sosāniko sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
855. Yathāsanthatiko sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
856. Nesajjiko sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.
857. Appiccho sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.

¹ uñjāpattagate - Sīmu 1, 2, evaṃ sabbattha.

20. 1. 7.

842. Các tấm vải mềm mại đã được tôi khoác lên khi ngồi ở cổ con voi, cơm gạo *sāli* với nước xốt thịt tinh khiết đã được tôi thọ dụng.

843. Kẻ ấy, hôm nay, hiền thiện, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

844. Vị mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

845. Vị chuyên đi khát thực, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

846. Vị chỉ sử dụng ba y, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

847. Vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

848. Vị chỉ một chỗ ngồi (khi thọ thực), kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

849. Vị thọ thực trong bình bát, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

850. Vị không ăn vật thực dâng sau, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

851. Vị ngụ ở rừng, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

852. Vị ngụ ở gốc cây, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

853. Vị ở ngoài trời, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

854. Vị ngụ ở mộ địa, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

855. Vị ngụ chỗ ở theo chỉ định, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

856. Vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

857. Vị có ít ham muốn, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

858. Santuṭṭho sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.

859. Pavivitto sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.

860. Asaṃsaṭṭho sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.

861. Āraddhaviriyo sātātiko uñchāpattāgate rato,
jhāyati anupādāno putto godhāya bhaddiyo.

862. Hitvā satapalaṃ kaṃsaṃ sovaṇṇaṃ satarājikaṃ,
aggahiṃ mattikāpattaṃ idaṃ dutiyābhisecanaṃ.

863. Ucce maṇḍalipākāre daḷhamatṭālakotṭhake,
rakkhito khaggahatthehi uttasam vihariṃ pure.

864. So 'jja bhaddo anutrāsī pahīnabhayabheravo,
jhāyati vanamogayha putto godhāya bhaddiyo.

865. Sīlakkhandhe patitṭhāya satim paññaṃ ca bhāvayaṃ,
pāpuṇim anupubbena sabbasaṃyojanakkhayan "ti.

Itthaṃ sudam āyasmā bhaddiyo kāligodhāyaputto thero gāthāyo
abhāsithā "ti.

Bhaddiyattheragāthā.

858. Vị tự hoan hỷ, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

859. Vị sống tách ly, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

860. Vị không giao tiếp, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

861. Vị có sự nỗ lực tinh tấn, kiên trì, thích thú với các vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực, tham thiền, không còn chấp thủ, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

862. Sau khi từ bỏ chiếc đĩa cân nặng một trăm *pala* bằng vàng có khắc nhiều hình ảnh, tôi đã cầm lấy cái bình bát bằng đất sét; đây là lễ phong vương thứ nhì.¹

863. Được bảo vệ bởi những người lính cầm gươm ở tay, tôi đã sống, lo sợ, trong thành trì có tường cao bao quanh, có vọng gác và cổng thành vững chắc.

864. Vị ấy, hôm nay, hiền thiện, không hốt hoảng, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, đã đi sâu vào khu rừng, tham thiền, là Bhaddiya, con trai của bà Godhā.

865. Sau khi đã đứng vững ở giới uẩn, trong khi tu tập niệm và tuệ, tôi đã đạt được sự cạn kiệt tất cả các điều ràng buộc theo tuần tự.”

Đại đức trưởng lão Bhaddiya Kāligodhāyaputta đã nói những lời kệ như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Bhaddiya.

¹ Câu kệ 862 giống câu kệ 97.